

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/DS-PT

Ngày: 12-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đỗ Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2025/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 2, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Chí C – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh Doanh Ngân hàng N - chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nông Ngọc C1, sinh năm 1979; nơi ĐK HKTT: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ma Thị L, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1935 (vắng mặt)

3. Anh Nông Hữu N, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Bà L, bà M và anh N có nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cùng thống nhất trình bày như sau:

Vào ngày 30/5/2019, Ngân hàng và ông Nông Ngọc C1 có ký hợp đồng tín dụng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385. Theo đó, Ngân hàng đã cho ông Nông Ngọc C1 vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn 10.3%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phạt chậm trả lãi là 10%/năm; mục đích vay vốn là chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới.

Phân kỳ hạn trả nợ gốc 02 kỳ; kỳ 1 ngày 30/5/2021 trả 500.000.000 đồng; kỳ 2 ngày 30/5/2022 trả 600.000.000 đồng;

Phân kỳ trả lãi 12 tháng/lần.

Ông Nông Ngọc C1 được Ngân hàng gia hạn trả nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng đến ngày 30/5/2022;

Đề đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nông Ngọc C1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019, thế chấp quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất số CI 299426 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L

- Quyền sử dụng đất số CĐ 904130 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L

- Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L

Đến ngày 29/3/2021, ông C1 đã trả nợ số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

Đến ngày 22/02/2022, ông C1 tiếp tục trả nợ số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 49.840.548 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng)

Dư nợ gốc còn lại 597.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu đồng)

Cùng ngày 22/02/2022, ông C1 có đơn xin rút bớt tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

Tuy nhiên đến nay đã quá kỳ hạn trả nợ gốc và lãi nhưng ông C1 và Bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận. Nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng

số tiền vay gốc là 597.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Lãi suất tạm tính đến ngày 27/9/2024 gồm:

Lãi trong hạn: 242.668.603 đồng.

Lãi quá hạn: 208.408.611 đồng.

Cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn: 451.077.214 đồng

Tổng cộng gốc, lãi trong hạn và quá hạn: 1.048.077.214 (Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bốn) đồng

Trong trường hợp ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019 và tài sản trên đất để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ, thì yêu cầu ông C1 và Bà L có nghĩa vụ tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng đến khi hoàn thành nghĩa vụ.

Bị đơn ông Nông Ngọc C1:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên toà xét xử, ông C1 đều vắng mặt nên Toà án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông C1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú, đồng thời bà Ma Thị L (vợ ông C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) cung cấp: Ông C1 đã rời khỏi địa phương để đi làm ăn xa từ năm 2022 đến nay, thỉnh thoảng mới trở về nhà thăm mẹ già, vợ và các con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị L trình bày:

Giữa bà Ma Thị L với ông Nông Ngọc C1 có mối quan hệ là vợ chồng. Bà Ma Thị L và mẹ ruột của ông C1 là bà Nguyễn Thị M có làm Hợp đồng uỷ quyền cho ông C1 để ông C1 ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Vào ngày 30/5/2019, ông Nông Ngọc C1 có ký hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B. Theo hợp đồng, Ngân hàng đã cho gia đình ông C1, Bà L vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn 10.3%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phạt chậm trả lãi là 10%/năm; mục đích vay vốn là chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nông Ngọc C1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019, thế chấp quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất số CI 299426 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;
- Quyền sử dụng đất số CĐ 904130 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

- Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

Đến ngày 29/3/2021, ông C1 Bà L đã trả nợ số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Đến ngày 22/02/2022, ông C1, Bà L đã trả nợ số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 49.840.548 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng); Dư nợ gốc còn lại 597.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Sau khi trả được một phần tiền nợ gốc vào ngày 22/02/2022 thì ông C1, Bà L đã rút một phần tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Ma Thị L trình bày: từ sau ngày 22/02/2022, do cây tiêu bị chết hàng loạt vì dịch bệnh và ảnh hưởng của đại dịch Covid nên vườn cây không có thu hoạch, không có nguồn thu, vì vậy gia đình ông bà không có đủ khả năng chi trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng đối với khoản nợ còn lại cho nên chưa trả được tiền nợ gốc và nợ lãi suất nào cho Ngân hàng.

Đối với khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 597.000.000 đồng và tổng lãi suất trong và quá hạn tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 451.077.214 đồng; Tổng cộng gốc, lãi trong và quá hạn là 1.048.077.214 (Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bốn) đồng theo hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385 cho đến khi thanh toán xong hết nợ, và trong trường hợp ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019 và tài sản trên đất để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ, thì yêu cầu ông C1 và Bà L có nghĩa vụ tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng đến khi hoàn thành nghĩa vụ thì bà đồng ý với khoản nợ gốc và nợ lãi suất nhưng bà không có khả năng trả nợ do hiện nay do ông C1 đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng ông C1 mới về nhà nhưng bà không gặp được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông C1 có biết việc bị Ngân hàng khởi kiện đòi nợ và Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng ông không ủy quyền cho bà Làm việc với Tòa án về việc giải quyết vụ án. Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông C1 đã thế chấp cho Ngân hàng để vay nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019 là tài sản chung của vợ chồng bà, việc vay tiền là để lấy vốn trồng trọt cây trong các vườn cây này, và hiện nay các tài sản này đều đang được Bà L quản lý sử dụng, chăm sóc vườn cây trồng. Vì vậy, Bà L yêu cầu Ngân hàng xem xét, tạo điều kiện kéo dài thời gian trả khoản vay gốc và xin miễn khoản tiền lãi suất để gia đình bà thu hoạch mùa vụ của cây trồng trên các thửa đất này lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay vườn cây điều, hồ tiêu của gia đình

bà mới phát triển, đến khoảng năm 2025 mới có thu nhập thì mới có tiền để có phương án trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M và ông N: Được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ tuy nhiên bà M, ông N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 597.000.000 đồng và tổng lãi suất trong và quá hạn tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 451.077.214 đồng; Tổng cộng nợ gốc, lãi trong và quá hạn là 1.048.077.214 (Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bốn) đồng theo hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp ông C1, Bà L không trả được tổng số tiền nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 22, diện tích 17449,7m² tọa lạc tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 299426, số vào sổ cấp GCN: CH00 0880/Cmoi-LP ngày 16/4/2018 cho hộ bà Ma Thị L và ông Nông Ngọc C1 và Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 22, diện tích 24419,2m² tọa lạc tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD904130, số vào sổ cấp GCN: CH00 0872/Cmoi-LP ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L. Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông C1, Bà L vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ;... ”.

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/9/2024 và ngày 25/10/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị L có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho gia đình Bà L ông C1 được trả nợ dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho bà được trả dần theo phương án mỗi năm trả 200.000.000 đồng, trong đó mùa thu hoạch Điều

trả 50.000.000 đồng, mùa thu hoạch Tiêu trả 150.000.000 đồng, từ nay cho đến hết nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Bà L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm do kháng cáo không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Ma Thị L được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung tranh chấp:

[2] Đối với mối quan hệ vay vốn và thế chấp tài sản bảo đảm: tại phiên tòa, bà L và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) xác nhận: do có nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế gia đình nên trước đây bà L và mẹ của ông Nông Ngọc C1 là bà Nguyễn Thị M có làm Hợp đồng ủy quyền cho ông C1 để ông C1 ký hợp đồng tín dụng để vay tiền và ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản tiền vay. Vì vậy, vào ngày 30/5/2019, ông C1 có ký hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho gia đình ông C1, bà L vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn 10.3%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phạt chậm trả lãi là 10%/năm; mục đích vay vốn là chăm sóc điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông C1 có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 459397/HĐTC ngày 30/5/2019, thế chấp quyền sử dụng đất sau:

[3] - Quyền sử dụng đất số CI 299426 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

[4] - Quyền sử dụng đất số CD 904130 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

[5] - Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L;

[6] Do ông C1 bà L đã trả được 800.000.000 đồng nợ gốc và trả được 49.840.548 đồng tiền lãi vào các ngày 29/3/2021, 22/02/2022 nên số dư nợ gốc hiện ông C1, Bà L còn nợ ngân hàng là 597.000.000 đồng. Ngày 22/02/2022, ông C1, Bà L đã làm thủ tục rút một phần tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AM 353480 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 07/8/2008 cho ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L.

[7] Trên đây là những tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên được coi là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa, các bên đương sự cũng khẳng định: các nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay; việc ông C1 Bà L thanh toán một phần nợ gốc, lãi; số nợ gốc và lãi ông C1, bà L còn phải thanh toán cho Ngân hàng cũng như việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về việc phát mãi tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp ông C1 Bà L không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Bà L và Ngân hàng đều nhất trí, không ai kháng cáo những nội dung trên. Xét thấy, những nội dung trên của Bản án sơ thẩm không có đương sự nào kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[9] Xét kháng cáo của bà L về việc bà yêu cầu được trả dần tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà và ông C1 phải liên đới trả cho Ngân hàng theo phương án mỗi năm trả 200.000.000 đồng, trong đó mùa thu hoạch Điều trả 50.000.000 đồng, mùa thu hoạch Tiêu trả 150.000.000 đồng, từ nay cho đến hết nợ. Bà L cho rằng căn cứ để bà yêu cầu trả nợ dần là vì: vợ chồng bà vay vốn để có kinh phí chăm sóc điều, trồng tiêu. Quá trình trồng tiêu, các hộ dân của B nơi bà canh tác hầu như cây tiêu bị chết hết, gia đình bà cũng từng tính bỏ vườn không canh tác nữa vì thua lỗ. Tuy nhiên, khi gia đình bà đã không muốn tiếp tục canh tác, xác định bỏ đất trống cho Ngân hàng muốn thu hồi nợ thì lấy đất nhưng Ngân hàng lại cho người vào rẫy vận động bà con tiếp tục canh tác, không nên bỏ vườn. Do Ngân hàng vận động nên gia đình bà nghe theo, tiếp tục canh tác nhưng càng canh tác càng thua lỗ dẫn đến khoản nợ đến nay chưa trả được. Nay, vườn cây bắt đầu cho thu hoạch lại nên Ngân hàng phải tạo điều kiện cho gia đình bà được trả nợ dần.

[10] Người đại diện của Ngân hàng không đồng ý với kháng cáo của Bà L và cho rằng đúng là theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện B, của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hỗ trợ bà con nông dân vượt qua khó khăn do biến đổi thời tiết, tạo điều kiện cho bà con giảm bớt khó khăn, khắc phục hậu quả trong những năm 2019-2020. Ngân hàng có lần vào vận động bà con tiếp tục tăng gia sản xuất, không bỏ đất trống. Tuy nhiên, việc khách hàng gặp khó khăn thì phía Ngân hàng cũng đã tạo mọi điều kiện, giãn thời gian yêu cầu thanh toán nợ trong suốt thời gian dài từ năm 2019 đến nay mới khởi kiện. Vì vậy, Ngân hàng không chấp nhận việc trả nợ dần bởi nếu

trả dần như phương án và Loan yêu cầu thì phải 5 đến 6 năm nữa gia đình Bà L mới thanh toán hết nợ.

[11] Hội đồng xét xử xét thấy, do phía Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà L và cũng không có quy định của pháp luật nào để áp dụng cho gia đình bà L được trả nợ dần như bà yêu cầu. Vì vậy, kháng cáo của bà L không được chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[12] Về chi phí tố tụng: các chi phí do đặc, xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên ông Nông Văn Chúc, bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng.

[13] Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; bị đơn ông C1 và Bà L phải chịu 43.442.316 (*Bốn mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười sáu*) đồng.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[15] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[16] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ma Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 (kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Bản án số 17/2024/QĐ-SĐBSBA ngày 03/10/2024) của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 213, 218, điểm b, khoản 1 của Điều 117, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N;

Buộc ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 597.000.000 đồng và tổng lãi suất trong và quá hạn tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 451.077.214 đồng; Tổng cộng nợ gốc, lãi trong và quá hạn là 1.048.077.214 (*Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bốn*) đồng theo hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 03385 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp ông Nông Ngọc C1, bà Ma Thị L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 22, diện tích 17449,7m² tọa lạc tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 299426, số vào sổ cấp GCN: CH00 0880/Cmoi-LP ngày 16/4/2018 cho hộ bà Ma Thị L và ông Nông Ngọc C1 và Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 22, diện tích 24419,2m² tọa lạc tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD904130, số vào sổ cấp GCN: CH00 0872/Cmoi-LP ngày 16/4/2018 cho hộ ông Nông Ngọc C1 và bà Ma Thị L. Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông C1, Bà L vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nông Ngọc C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị L phải chịu 43.442.316 (*Bốn mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười sáu*) đồng;

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 19.126.000 đồng (*Mười chín triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai số 0006662 ngày 13/11/2023.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ma Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008351 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi